ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3316 /QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 05 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao, cho ý kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao, cho ý kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2536/TTr-SKHĐT ngày 26 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội bộ 173,997 tỷ đồng vốn thực hiện dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2022 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm 173,997 tỷ đồng của 06 dự án chi tiết theo Phụ lục I đính kèm.

2. Giao bổ sung 173,997 tỷ đồng cho 10 dự án chi tiết theo Phụ lục II đính kèm.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, Thủ trưởng các chủ đầu tư được giao kế hoạch vốn tại Điều 1 Quyết định này tiến hành triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định và giải ngân hết số vốn được giao. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, Thủ trưởng các đơn vị theo Phụ lục đính kèm và có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT.TU, TT.HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- Các Ban thuộc HĐND TP;
- VP UBND TP (3D);
- Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, LHS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Việt Trường

PHỤ LỤC I

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CÁC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 3316 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (vốn NSĐP)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021		Tổng kế hoạch vốn trước khi điều chỉnh	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 điều chỉnh giảm						Tổng kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NSĐP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP						Cân đối NSĐP	Tiền sử dụng đất	XSKT	Nguồn thu vượt XSKT các năm trước	Nguồn vốn trung ương bổ sung từ nguồn tăng thu NSTW năm 2018 theo Nghị định số 103/2018/NĐ-CP của Chính phủ		
	TỔNG SỐ						**6.884.472**	**3.489.122**	**2.370.778**	**1.004.732**	**854.732**	**898.886**	**-173.997**	**-76.915**	**-24.000**	**-27.905**	**-40.000**	**-5.177**	**724.889**	
I	**Sở Giao thông vận tải**						**3.837.742**	**1.837.742**	**1.392.000**	**8.444**	**8.444**	**700.625**	**-70.820**	**-42.915**	**0**	**-27.905**	**0**	**0**	**629.805**	
***	**Dự án Khởi công mới**						**3.837.742**	**1.837.742**	**1.392.000**	**8.444**	**8.444**	**700.625**	**-70.820**	**-42.915**	**0**	**-27.905**	**0**	**0**	**629.805**	
1	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 với Quốc lộ 61C)	A	7.863.251	Ô Môn - Bình Thủy - Phong Điền - Ninh Kiều - Cái Răng	2021-2025	3543/QĐ-UBND ngày 26//11/2021	3.837.742	1.837.742	1.392.000	8.444	8.444	700.625	-70.820	-42.915		-27.905			629.805	
II	**Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố**						**449.999**	**449.999**	**163.021**	**399.978**	**249.978**	**20.100**	**-5.177**	**0**	**0**	**0**	**0**	**-5.177**	**14.923**	
**	**Dự án chuyển tiếp**						**449.999**	**449.999**	**163.021**	**399.978**	**249.978**	**20.100**	**-5.177**	**0**	**0**	**0**	**0**	**-5.177**	**14.923**	
1	Cầu Vàm Xáng và đường nối từ cầu Vàm Xáng đến Quốc lộ 61C, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	B	7.743.135	Phong Điền	2019-2023	1205/QĐ-UBND ngày 21/5/2019	449.999	449.999	163.021	399.978	249.978	20.100	-5.177					-5.177	14.923	
III	**Sở Xây dựng**						**692.631**	**692.631**	**429.060**	**337.571**	**337.571**	**60.000**	**-34.000**	**-34.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**26.000**	
**	**Dự án chuyển tiếp**						**692.631**	**692.631**	**429.060**	**337.571**	**337.571**	**60.000**	**-34.000**	**-34.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**26.000**	
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Ninh Kiều	B	7.772.903	Ninh Kiều	2020-2022	2626/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 2490/QĐ-UBND ngày 6/10/2021	692.631	692.631	429.060	337.571	337.571	60.000	-34.000	-34.000					26.000	
IV	**Sở Tài nguyên và Môi trường**						**176.158**	**176.158**	**141.697**	**91.900**	**91.900**	**40.000**	**-24.000**	**0**	**-24.000**	**0**	**0**	**0**	**16.000**	
***	**Dự án chuyển tiếp**						**176.158**	**176.158**	**141.697**	**91.900**	**91.900**	**40.000**	**-24.000**	**0**	**-24.000**	**0**	**0**	**0**	**16.000**	
1	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thốt Nốt	B	7.625.303	Thốt Nốt	2020-2022	2627/QĐ-UBND 30/10/2019	94.192	94.192	60.697	36.100	36.100	20.000	-14.000		-14.000				6.000	
2	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai huyện Thới Lai	B	7.625.302	Thới Lai	2020-2023	2148/QĐ-UBND 6/10/2020	81.966	81.966	81.000	55.800	55.800	20.000	-10.000		-10.000				10.000	
V	**Sở Y tế**						**1.727.942**	**332.592**	**245.000**	**166.839**	**166.839**	**78.161**	**-40.000**	**0**	**0**	**0**	**-40.000**	**0**	**38.161**	
***	**Dự án chuyển tiếp**						**1.727.942**	**332.592**	**245.000**	**166.839**	**166.839**	**78.161**	**-40.000**	**0**	**0**	**0**	**-40.000**	**0**	**38.161**	
1	Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ (quy mô 500 giường)	A	7.526.068	Ninh Kiều	2018-2020	223/QĐ-UBND 25/01/2017	1.727.942	332.592	245.000	166.839	166.839	78.161	-40.000				-40.000		38.161	

PHỤ LỤC II

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CÁC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 3316/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (vốn NSĐP)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021		Tổng kế hoạch vốn trước khi điều chỉnh	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 điều chỉnh tăng							Tổng kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NSĐP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP						Cân đối NSĐP	Tiền sử đất	XSKT	Nguồn thu vượt XSKT các năm trước	Nguồn vốn trung ương bổ sung từ nguồn tăng thu NSTW năm 2018 theo Nghị định số 103/2018/NĐ-CP của Chính phủ		
	TỔNG SỐ						**9.323.834**	**3.535.162**	**1.687.866**	**5.040.778**	**1.963.851**	**28.467**	**173.997**	**76.915**	**24.000**	**27.905**	**40.000**	**5.177**	**202.464**	
I	**Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố**						**134.680**	**134.680**	**147.435**	**45.205**	**45.205**	**28.467**	**26.148**	**66**	**0**	**20.905**	**0**	**5.177**	**54.615**	
*	**Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng**						**23.125**	**23.125**	**36.671**	**1.050**	**1.050**	**50**	**20.971**	**66**	**0**	**20.905**	**0**	**0**	**21.021**	
1	Bệnh viện dã chiến số 1	C	7.912.457	Ninh Kiều	2022	171/QĐ-SXD ngày 20/7/2022	4.047	4.047	6.052			0	4.047			4.047			4.047	
2	Bệnh viện dã chiến số 2	C	7.912.456	Ninh Kiều	2022	139/QĐ-SXD ngày 17/6/2022	13.042	13.042	22.051			0	12.422			12.422			12.422	
3	Bệnh viện dã chiến số 4	C	7914337	Ninh Kiều	2022	191/QĐ-SXD ngày 4/8/2022	2.334	2.334	4.051			0	2.223			2.223			2.223	
4	Bệnh viện dã chiến số 6	C	7914335	Ninh Kiều	2022	190/QĐ-SXD ngày 4/8/2022	2.323	2.323	3.138			0	2.213			2.213			2.213	
5	Sửa chữa trụ sở làm việc của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố	C	7.865.820	Ninh Kiều	2021-2023	130/QĐ-SXD ngày 04/6/2021	1.379	1.379	1.379	1.050	1.050	50	66	66					116	
**	**Dự án chuyển tiếp**						**111.555**	**111.555**	**110.764**	**44.155**	**44.155**	**28.417**	**5.177**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5.177**	**33.594**	
1	Đường tỉnh 920 (đoạn qua nhà máy Nhiệt điện Ô Môn)	C	7.754.995	Ô Môn	2021-2023	2533/QĐ-UBND ngày 11/11/2020	42.917	42.917	42.917	23.570	23.570	14.417	4.000					4.000	18.417	
2	Kho lưu trữ chuyên dụng thành phố Cần Thơ	B	7.184.282	Cái Răng	2020-2023	1424/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	68.638	68.638	67.847	20.585	20.585	14.000	1.177					1.177	15.177	
II	**Chi cục Thủy lợi**						**21.898**	**21.898**	**21.135**	**850**	**850**	**0**	**7.849**	**849**	**0**	**7.000**	**0**	**0**	**7.849**	
***	**Dự án Khởi công mới**						**21.898**	**21.898**	**21.135**	**850**	**850**	**0**	**7.849**	**849**	**0**	**7.000**	**0**	**0**	**7.849**	
1	Cải tạo sửa chữa trụ sở Chi cục Thủy Lợi	C	7.885.726	Ninh Kiều	2022-2023	199/QĐ-SXD ngày 09/8/2022	1.989	1.989	1.849	150	150	0	849	849					849	
2	Hệ thống thủy lợi tạo nguồn Bắc Cái Sắn (Cần Thơ - An Giang)	C	7.864.618	Vĩnh Thạnh	2022-2024	2006/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	19.909	19.909	19.286	700	700	0	7.000			7.000			7.000	
III	**Ban QLDA ODA**						**9.167.256**	**3.378.584**	**1.519.296**	**4.994.723**	**1.917.796**	**0**	**140.000**	**76.000**	**24.000**	**0**	**40.000**	**0**	**140.000**	
**	**Dự án chuyển tiếp**						**9.167.256**	**3.378.584**	**1.519.296**	**4.994.723**	**1.917.796**	**0**	**140.000**	**76.000**	**24.000**	**0**	**40.000**	**0**	**140.000**	
1	Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị	A	7.488.650	Ninh Kiều - Bình Thủy	2017-2024	2967/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	9.167.256	3.378.584	1.519.296	4.994.723	1.917.796	0	140.000	76.000	24.000		40.000		140.000	